

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 240/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300391837 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/7/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23/4/2025.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: VIETTRONICS TAN BINH JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: VTB.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300391837 thay đổi lần thứ 13 ngày 23/4/2025 là 120.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: VTB.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 248A Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Phạm Nguyên Anh	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 17/4/2025)
Ông Vũ Hải Vĩnh	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 17/4/2025)
Ông Nguyễn Đức Tường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/4/2025)
Ông Giáp Minh Trung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 17/4/2025)
Ông Văn Viết Tuấn	Thành viên
Ông Đào Trung Thanh	Thành viên
Ông Trần Đình Khôi	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Bà Lê Thị Lan	Trưởng ban
Ông Nguyễn Phước Hiệp	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/4/2025)
Bà Đặng Thị Hạnh	Thành viên
Ông Vũ Văn Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 17/4/2025)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Văn Viết Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Đào Trung Thanh	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đào Trung Thanh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy ủy quyền số 12/2025/GUQ/VTB ngày 06/8/2025
của Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2025

Số: 218/2025/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình, được lập ngày 18/8/2025, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được soát xét và kiểm toán bởi Kiểm toán viên khác và Công ty kiểm toán khác, với kết luận chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vào ngày 19/8/2024 và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng vào ngày 03/3/2025.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2025	01/01/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		112.911.864.960	110.192.419.336
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.773.216.847	9.453.166.163
1. Tiền	111		2.773.216.847	2.453.166.163
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	64.500.000.000	65.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		64.500.000.000	65.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.700.310.605	17.997.290.389
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	25.853.712.302	22.693.667.335
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.115.425.080	1.558.006.566
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	5.529.947.556	2.244.390.821
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(8.798.774.333)	(8.498.774.333)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	17.311.475.612	13.332.614.413
1. Hàng tồn kho	141		19.312.211.483	15.333.350.284
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.000.735.871)	(2.000.735.871)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.626.861.896	4.409.348.371
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	4.626.861.896	4.409.348.371
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		113.856.863.426	115.008.095.336
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.265.447.540	18.215.447.540
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.4	18.215.447.540	18.215.447.540
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	50.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		60.101.326.617	62.700.445.235
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	43.539.067.433	45.824.323.333
- Nguyên giá	222		130.988.326.910	130.856.326.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(87.449.259.477)	(85.032.003.577)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	16.562.259.184	16.876.121.902
- Nguyên giá	228		26.724.994.698	26.724.994.698
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.162.735.514)	(9.848.872.796)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.330.512.273	9.330.512.273
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	9.330.512.273	9.330.512.273
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	23.190.423.589	23.073.655.112
1. Đầu tư vào Công ty con	251		9.710.300.000	9.710.300.000
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		17.500.000.000	17.500.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.019.876.411)	(4.136.644.888)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.969.153.407	1.688.035.176
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	2.020.927.935	795.587.672
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.12	948.225.472	892.447.504
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		226.768.728.386	225.200.514.672

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		46.146.600.807	45.115.996.038
I. Nợ ngắn hạn	310		20.201.106.021	22.220.842.042
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	3.630.474.085	225.296.008
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		493.071.164	9.239.464
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.463.953.512	1.668.665.740
4. Phải trả người lao động	314		3.373.307.000	4.901.028.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	2.874.072.843	2.383.073.723
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.26	261.600.000	261.600.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	6.535.411.325	9.909.744.015
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	-	2.854.779.000
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		569.216.092	7.416.092
II. Nợ dài hạn	330		25.945.494.786	22.895.153.996
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.15	14.941.127.345	12.962.237.505
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	11.004.367.441	9.932.916.491
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		180.622.127.579	180.084.518.634
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	180.622.127.579	180.084.518.634
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.820.500.000	119.820.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.820.500.000	119.820.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		69.306.398.800	69.306.398.800
3. Cổ phiếu quỹ	415		(22.877.138.591)	(22.877.138.591)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.335.740.792	7.335.740.792
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.036.626.578	6.499.017.633
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		727.209.633	303.657.578
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.309.416.945	6.195.360.055
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		226.768.728.386	225.200.514.672

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Hà Ngọc Yến

Kế toán trưởng

Trương Thị Thùy Linh



Phó Tổng Giám đốc

Đào Trung Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Trình bày lại)
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	59.093.413.686	46.276.515.883
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	110.350.047	58.962.384
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	58.983.063.639	46.217.553.499
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	28.376.153.631	18.413.358.329
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		30.606.910.008	27.804.195.170
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.463.097.949	1.533.487.066
7. Chi phí tài chính	22	6.4	(89.756.229)	249.637.578
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.012.248	3.424.931
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	16.939.703.902	15.289.068.842
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	7.404.685.059	7.527.492.214
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		7.815.375.225	6.271.483.602
11. Thu nhập khác	31	6.7	136.213.080	97.775.002
12. Chi phí khác	32	6.7	64.817.124	26.116.201
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	71.395.956	71.658.801
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		7.886.771.181	6.343.142.403
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.633.132.204	1.333.691.048
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	(55.777.968)	(55.777.969)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		6.309.416.945	5.065.229.324

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Hà Ngọc Yến

Trương Thị Thùy Linh



Đào Trung Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		61.854.628.328	51.094.813.507
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(28.250.059.833)	(15.047.416.710)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.879.056.000)	(10.099.806.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(46.543.756)	(3.424.931)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.720.063.765)	(509.193.176)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.000.811.208	1.270.813.827
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(20.713.313.455)	(12.416.135.021)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.246.402.727	14.289.651.496
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(363.277.586)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17.000.000.000)	(63.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.500.000.000	48.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.122.622.157	3.969.669.834
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.622.622.157	(11.393.607.752)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		7.250.000.000	1.100.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.104.779.000)	(1.260.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.694.195.200)	(3.329.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.548.974.200)	(3.489.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(6.679.949.316)	(593.056.256)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	9.453.166.163	1.684.121.179
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5.1	2.773.216.847	1.091.064.923

Người lập biểu

Hà Ngọc Yến

Kế toán trưởng

Trương Thị Thùy Linh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2025

Phó Tổng Giám đốc



Đào Trung Thanh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 240/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300391837 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/7/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23/4/2025.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: VIETTRONICS TAN BINH JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: VTB.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300391837 thay đổi lần thứ 13 ngày 23/4/2025 là 120.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: VTB.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 248A Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2025 là 100 người (tại ngày 31/12/2024 là 97 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nhựa khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đào tạo sơ cấp; Đào tạo trung cấp; Đào tạo đại học; Đào tạo thạc sỹ;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu;
- Giáo dục tiểu học.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng, vật tư y tế, và kinh doanh dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long

Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<u>Các Công ty con trực tiếp</u>						
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	248A Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm điện tử dân dụng	51,00%	51,00%	51,00%
2	Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB	248A Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm điện tử dân dụng	70,00%	70,00%	70,00%
3	Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội	P.601, số 18 Phố Ngụy Như Kon Tum, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh sản phẩm điện tử dân dụng	81,86%	81,86%	81,86%
<u>Các Công ty liên kết</u>						
1	Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc	Lô CN07-02, Khu Công nghiệp Bình Xuyên 2, Xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ	Khai thác cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ	43,75%	43,75%	43,75%

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tại ngày 30/6/2025 bao gồm:

Tên đơn vị trực thuộcChi nhánh Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình
- Nhà máy Sản xuất Lắp ráp Điện tử, Điện dân dụng và Tin học Cát Lái

Chi nhánh Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình tại Hà Nội

Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình
- Nhà máy sản xuất, lắp ráp Ti vi màuChi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình
- Nhà máy Sản xuất Lắp ráp các sản phẩm điện tử - điện lạnh - dân dụng

Các Chi nhánh trực thuộc của Công ty hạch toán phụ thuộc và không tổ chức bộ máy kế toán riêng.

Địa chỉ

Lô B5, Đường D1, KCN Cát Lái 2, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh

P.601, số 18 Phố Ngụy Như Kon Tum, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
06 Phạm Văn Hai, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

B58/II-B59/II đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán***Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ***

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của chính Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 30/6/2025.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Phải thu khách hàng): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày 30/6/2025.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày 30/6/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết***

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con, Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 46 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê tài sản**Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán Thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 36 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí dịch vụ: Trích trước dựa theo Hợp đồng, thỏa thuận khi chưa nhận được hóa đơn tài chính có liên quan.
- Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lát: Trích trước dựa trên số tiền thuê đất đã thanh toán của Hợp đồng nguyên tắc về việc thuê đất tại Khu công nghiệp cho thời hạn sử dụng đất, trong vòng 48 năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Nếu khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo thì được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, không bao gồm (loại trừ) khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp, (khoản chênh lệch này) thì được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, được trích lập theo số lượng sản phẩm điện tử bán ra, tỷ lệ hư hỏng trong quá khứ, với thời gian trích lập theo thời gian bảo hành mà Công ty cam kết với khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước từ số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (các mặt hàng điện tử, thiết bị y tế), doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước; Không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	17.738.443	3.289.087
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.755.478.404	2.449.877.076
Các khoản tương đương tiền	-	7.000.000.000
Tổng	2.773.216.847	9.453.166.163

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	64.500.000.000	64.500.000.000	65.000.000.000	65.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	64.500.000.000	64.500.000.000	65.000.000.000	65.000.000.000
Tổng	64.500.000.000	64.500.000.000	65.000.000.000	65.000.000.000

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất áp dụng là 4,1% - 4,4%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long

Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tỷ lệ		30/6/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Vốn	Quyền	Giá trị			Giá trị		
	năm giữ	biểu quyết	Giá gốc	hợp lý (i)	Dự phòng	Giá gốc	hợp lý (i)	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			9.710.300.000		(4.019.876.411)	9.710.300.000		(4.136.644.888)
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	51,00%	51,00%	3.150.300.000		(959.876.411)	3.150.300.000		(1.076.644.888)
Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội	81,86%	81,86%	3.060.000.000		(3.060.000.000)	3.060.000.000		(3.060.000.000)
Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB	70,00%	70,00%	3.500.000.000		-	3.500.000.000		-
Đầu tư vào Công ty liên kết			17.500.000.000		-	17.500.000.000		-
Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc	43,75%	43,75%	17.500.000.000		-	17.500.000.000		-
Tổng			27.210.300.000		(4.019.876.411)	27.210.300.000		(4.136.644.888)

- (i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 30/6/2025 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

Các giao dịch và số dư trọng yếu của Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 7.1.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	9.513.321.155	7.742.009.224
Công ty Cổ phần Dược phẩm PHARMACITY	4.079.558.638	2.234.691.015
Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội	9.058.602.165	8.927.262.165
Các đối tượng khác	3.202.230.344	3.789.704.931
Tổng	25.853.712.302	22.693.667.335

Trong đó,

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

18.720.347.210

16.910.904.019

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.115.425.080	1.558.006.566
Công ty TNHH MTV Thạch Trương	243.688.500	-
Oceanview (Guangdong) Sci-Tech Co., Ltd.	551.145.000	-
Guangdong Sohoo Technology Co., Ltd.	224.252.760	-
Fudio Technology Limited	-	1.417.727.644
Các đối tượng khác	96.338.820	140.278.922
b) Dài hạn	18.215.447.540	18.215.447.540
Công ty TNHH Một Thành Viên	18.215.447.540	18.215.447.540
Dịch vụ Công ích Quận 2 (i)	-	-
Tổng	19.330.872.620	19.773.454.106

Trong đó,

Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

477.355.000

-

- (i) Khoản trả trước liên quan đến Hợp đồng nguyên tắc thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lái - Cụm II (Giai đoạn 2) tại phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết về Hợp đồng nguyên tắc thuê đất liên quan đến khoản nợ tiềm tàng của Công ty, chi tiết tại Thuyết minh số 7.2.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.5 Phải thu khác

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	5.529.947.556	(36.671.526)	2.244.390.821	(36.671.526)
Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.538.098.630	-	1.258.450.686	-
Tạm ứng cho nhân viên	3.001.000.000	-	929.104.000	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	32.226.464	-	15.426.464	-
Các khoản khác	958.622.462	(36.671.526)	41.409.671	(36.671.526)
b) Dài hạn	50.000.000	-	-	-
Phải thu về Hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	50.000.000	-	-	-
Tổng	5.579.947.556	(36.671.526)	2.244.390.821	(36.671.526)

Trong đó,

Phải thu khác từ các bên

liên quan (Chi tiết tại

Thuyết minh số 7.1)

111.232.671

-

4.738.145

-

- (i) Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 001/2025/HĐHTKD ngày 15/4/2025 về việc hợp tác khai thác quảng cáo trên tivi để triển khai cho khách hàng của các bên góp vốn tại các địa điểm công cộng đông người. Theo đó, Công ty cùng 3 đơn vị khác góp vốn cho hoạt động hợp tác kinh doanh mà không hình thành pháp nhân, tỷ lệ góp vốn mỗi đơn vị là 25% trên tổng số vốn góp của hoạt động hợp tác kinh doanh. Việc phân chia lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh căn cứ trên giá trị Hợp đồng từ các khách hàng mà các đơn vị tìm kiếm được, đơn vị nào tìm kiếm được khách hàng sẽ được phân chia 40% trên giá trị Hợp đồng sau khi Hợp đồng được ký kết thành công.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long

Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.6 Nợ xấu

30/6/2025 (VND)					01/01/2025 (VND)				
Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng		Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	
Các khoản phải thu khách hàng	9.211.355.621	449.252.814	(8.762.102.807)			9.080.015.621	617.912.814	(8.462.102.807)	
Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội	Từ 2 năm đến trên 3 năm	9.058.602.165	449.252.814	(8.609.349.351)		Từ 2 năm đến trên 3 năm	8.927.262.165	617.912.814	(8.309.349.351)
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	152.753.456	-	(152.753.456)		Trên 3 năm	152.753.456	-	(152.753.456)
Phải thu khác	36.671.526	-	(36.671.526)			36.671.526	-	(36.671.526)	
Ông Phạm Huy Toàn	Trên 3 năm	36.671.526	-	(36.671.526)		Trên 3 năm	36.671.526	-	(36.671.526)
Tổng	9.248.027.147	449.252.814	(8.798.774.333)			9.116.687.147	617.912.814	(8.498.774.333)	

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long
Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.7 Hàng tồn kho

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.698.585.504	(699.972.639)	4.013.457.755	(699.972.639)
Thành phẩm	11.766.733.345	(635.148.357)	8.617.161.783	(635.148.357)
Hàng hóa	2.846.892.634	(665.614.875)	2.702.730.746	(665.614.875)
Tổng	19.312.211.483	(2.000.735.871)	15.333.350.284	(2.000.735.871)

5.8 Chi phí trả trước

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	4.626.861.896	4.409.348.371
Chi phí sửa chữa văn phòng	2.139.213.623	1.925.959.018
Chi phí thuê văn phòng và kho bãi	1.077.627.993	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.410.020.280	2.483.389.353
b) Dài hạn	2.020.927.935	795.587.672
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	217.404.127	33.126.288
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.803.523.808	762.461.384
Tổng	6.647.789.831	5.204.936.043

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2025	88.013.910.802	38.803.892.306	4.038.523.802	130.856.326.910
Tăng trong kỳ	-	132.000.000	-	132.000.000
Mua trong kỳ	-	132.000.000	-	132.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2025	88.013.910.802	38.935.892.306	4.038.523.802	130.988.326.910
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2025	48.421.248.681	33.003.392.540	3.607.362.356	85.032.003.577
Tăng trong kỳ	1.416.062.934	955.426.353	45.766.613	2.417.255.900
Khấu hao trong kỳ	1.416.062.934	955.426.353	45.766.613	2.417.255.900
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2025	49.837.311.615	33.958.818.893	3.653.128.969	87.449.259.477
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2025	39.592.662.121	5.800.499.766	431.161.446	45.824.323.333
Tại ngày 30/6/2025	38.176.599.187	4.977.073.413	385.394.833	43.539.067.433

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025: 51.410.105.615 VND (tại ngày 01/01/2025: 50.202.042.139 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long

Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2025	26.132.193.780	592.800.918	26.724.994.698
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2025	26.132.193.780	592.800.918	26.724.994.698
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2025	9.336.071.874	512.800.922	9.848.872.796
Tăng trong kỳ	303.862.716	10.000.002	313.862.718
Khấu hao trong kỳ	303.862.716	10.000.002	313.862.718
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2025	9.639.934.590	522.800.924	10.162.735.514
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2025	16.796.121.906	79.999.996	16.876.121.902
Tại ngày 30/6/2025	16.492.259.190	69.999.994	16.562.259.184

Quyền sử dụng đất của Công ty đặt tại Đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn sử dụng đất đến năm 2046.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025: 492.800.918 VND (tại ngày 01/01/2025: 492.800.918 VND).

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Xây dựng cơ bản	9.330.512.273	9.330.512.273
Công trình VTB Green Building (i)	9.330.512.273	9.330.512.273
Tổng	9.330.512.273	9.330.512.273

- (i) Tính đến thời điểm 30/6/2025, Công trình VTB Green Building tại số 06 Phạm Văn Hai, quận Tân Bình, phường 2, Tp. Hồ Chí Minh (nay là 06 Phạm Văn Hai, phường Tân Sơn Hòa, Tp. Hồ Chí Minh) đang trong thời gian giải quyết các vấn đề pháp lý, Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện công trình. Đồng thời, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 51/2024/NQ-VTB-HDQT ngày 11/10/2024 về việc tiếp tục thực hiện các phần việc của dự án tại Khu đất nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long

Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	948.225.472	892.447.504
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	948.225.472	892.447.504
<i>Trong đó,</i>		
<i>Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Sợi An Việt	189.449.928	189.449.928	54.289.224	54.289.224
Công ty TNHH Nissin Logistics (VN)	16.405.157	16.405.157	49.210.070	49.210.070
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tin Học K&C	926.578.188	926.578.188	-	-
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Thông Tin VTB	1.214.718.615	1.214.718.615	-	-
Phải trả người bán khác	1.283.322.197	1.283.322.197	121.796.714	121.796.714
Tổng	3.630.474.085	3.630.474.085	225.296.008	225.296.008

Trong đó,

Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

1.214.718.615 1.214.718.615

*Đơn vị tính: VND***5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2025
Phải nộp	1.668.665.740	17.337.195.142	16.541.907.370	2.463.953.512
Thuế giá trị gia tăng	699.656.517	3.966.242.406	3.109.951.058	1.555.947.865
Thuế xuất, nhập khẩu	-	106.711.290	106.711.290	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	952.441.303	1.633.132.204	1.720.063.765	865.509.742
Thuế thu nhập cá nhân	16.567.920	337.377.385	311.449.400	42.495.905
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	11.123.638.713	11.123.638.713	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	170.093.144	170.093.144	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.15 Chi phí phải trả

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	2.874.072.843	2.383.073.723
Chi phí hỗ trợ quảng cáo nhà phân phối khu vực phía Nam	473.239.250	291.920.064
Trích trước chi phí bảo vệ	193.050.000	185.625.000
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.207.783.593	1.905.528.659
a) Dài hạn	14.941.127.345	12.962.237.505
Trích trước phần phân bổ chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lái	4.741.127.345	4.462.237.505
Chi phí phải trả dài hạn khác	10.200.000.000	8.500.000.000
Tổng	17.815.200.188	15.345.311.228

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	6.535.411.325	9.909.744.015
Kinh phí công đoàn	47.174.140	47.891.560
Bảo hiểm xã hội	24.196.825	13.424.895
Cổ tức phải trả	6.461.651.500	9.834.038.700
Phải trả ngắn hạn khác	2.388.860	14.388.860
b) Dài hạn	11.004.367.441	9.932.916.491
Nhận ký quỹ, ký cược	11.004.367.441	9.932.916.491
Tổng	17.539.778.766	19.842.660.506

Trong đó,

Phải trả cho các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

4.661.984.000

5.989.464.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long

Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2025 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản vay ngắn hạn	-	-	7.250.000.000	10.104.779.000	2.854.779.000	2.854.779.000
<i>Vay ngắn hạn</i>	-	-	7.250.000.000	10.104.779.000	2.854.779.000	2.854.779.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	7.250.000.000	10.104.779.000	2.854.779.000	2.854.779.000
- Chi nhánh Tân Định	-	-				
Tổng	-	-	7.250.000.000	10.104.779.000	2.854.779.000	2.854.779.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long

Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	119.820.500.000	69.306.398.800	(22.877.138.591)	7.335.740.792	6.025.465.578	179.610.966.579
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	11.597.620.055	11.597.620.055
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.250.000.000)	(1.250.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(9.724.068.000)	(9.724.068.000)
Thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	119.820.500.000	69.306.398.800	(22.877.138.591)	7.335.740.792	6.499.017.633	180.084.518.634
Số dư tại ngày 01/01/2025	119.820.500.000	69.306.398.800	(22.877.138.591)	7.335.740.792	6.499.017.633	180.084.518.634
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	6.309.416.945	6.309.416.945
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(4.321.808.000)	(4.321.808.000)
Trích quỹ phúc lợi (i)	-	-	-	-	(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
Trích khen thưởng người điều hành Công ty, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2025	119.820.500.000	69.306.398.800	(22.877.138.591)	7.335.740.792	7.036.626.578	180.622.127.579

(i) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 07/2025/NQ-VTB-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025:

- Trích Quỹ phúc lợi: 1.300.000.000 VND;
- Trích khen thưởng người điều hành Công ty, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát: 150.000.000 VND;
- Chia cổ tức: 9%/cổ phiếu đang lưu hành, tương đương 9.724.068.000 VND, trong đó phần đã tạm ứng cổ tức năm 2024 (5%/cổ phiếu đang lưu hành, tương đương 5.402.260.000), phần còn lại được chia vào năm 2025 là 4%/cổ phiếu đang lưu hành, tương đương 4.321.808.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/6/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	6.654.960	55,54%	66.549.600.000	6.654.960	55,54%	66.549.600.000
Các cổ đông khác	5.327.090	44,46%	53.270.900.000	5.327.090	44,46%	53.270.900.000
Tổng	11.982.050	100,00%	119.820.500.000	11.982.050	100,00%	119.820.500.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	119.820.500.000	119.820.500.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	119.820.500.000	119.820.500.000
Cổ tức đã chia	4.321.808.000	4.321.808.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.982.050	11.982.050
Cổ phiếu phổ thông	11.982.050	11.982.050
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.177.530	1.177.530
Cổ phiếu phổ thông	1.177.530	1.177.530
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.804.520	10.804.520
Cổ phiếu phổ thông	10.804.520	10.804.520
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.335.740.792	7.335.740.792
Tổng	7.335.740.792	7.335.740.792

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.19 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ**a. Tài sản thuê ngoài**

Tại ngày 30/6/2025, Công ty đang quản lý, sử dụng các thửa đất thuê của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty có trách nhiệm thanh toán tiền thuê đất theo Thông báo của Thuế địa phương nơi các thửa đất.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	59.093.413.686	46.276.515.883
Tổng	59.093.413.686	46.276.515.883
Trong đó,		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	9.140.728.137	2.888.035.526
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	86.895.501	58.962.384
Hàng bán bị trả lại	23.454.546	-
Tổng	110.350.047	58.962.384
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	58.983.063.639	46.217.553.499
Tổng	58.983.063.639	46.217.553.499

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Trình bày lại) VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	28.376.153.631	18.915.047.785
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(501.689.456)
Tổng	28.376.153.631	18.413.358.329

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH

248A Nơ Trang Long

Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.402.270.101	1.527.128.739
Doanh thu hoạt động tài chính khác	60.827.848	6.358.327
Tổng	1.463.097.949	1.533.487.066

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí lãi vay	27.012.248	3.424.931
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(116.768.477)	246.212.647
Tổng	(89.756.229)	249.637.578

6.5 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 (Trình bày lại) VND
Chi phí nhân viên	3.990.004.680	3.531.151.230
Chi phí vật liệu, bao bì	65.842.079	53.346.077
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.702.506.875	2.790.592.083
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.079.543.773	1.045.675.839
Chi phí bằng tiền khác	9.101.806.495	7.868.303.613
Tổng	16.939.703.902	15.289.068.842

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.699.833.785	4.655.492.652
Chi phí vật liệu quản lý	122.953.758	161.746.733
Chi phí khấu hao TSCĐ	43.616.724	102.187.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	306.553.337	338.633.535
Chi phí bằng tiền khác	2.231.727.455	2.269.431.359
Tổng	7.404.685.059	7.527.492.214

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.7 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Thu nhập khác		
Thu tiền phạt hợp đồng	105.068.690	70.855.815
Các khoản khác	31.144.390	26.919.187
Tổng	136.213.080	97.775.002
Chi phí khác		
Chi hỗ trợ người lao động	60.000.000	-
Các khoản khác	4.817.124	26.116.201
Tổng	64.817.124	26.116.201
Lợi nhuận khác	71.395.956	71.658.801
<i>Trong đó,</i>		
<i>Thu nhập khác với các bên liên quan</i>	<i>105.068.690</i>	<i>70.855.815</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>		

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.886.771.181	6.343.142.403
Các khoản điều chỉnh tăng	278.889.840	325.312.839
Trích trước chi phí thuế đất	278.889.840	278.889.840
Khu công nghiệp Cát Lái chưa đủ hồ sơ		
Các khoản điều chỉnh tăng khác	-	46.422.999
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	8.165.661.021	6.668.455.242
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	8.165.661.021	6.668.455.242
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ	1.633.132.204	1.333.691.048
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.633.132.204	1.333.691.048

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(55.777.968)	(55.777.969)
Tổng	(55.777.968)	(55.777.969)

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.818.615.452	5.380.010.082
Chi phí nhân công	11.491.663.005	10.758.664.762
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.731.118.618	2.802.258.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.543.107.255	1.534.922.609
Chi phí khác bằng tiền	13.285.609.824	16.734.902.217
Tổng	55.870.114.154	37.210.757.939

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB	Công ty con
3	Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	Công ty con
4	Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội	Công ty con
5	Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc	Công ty liên kết
6	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, những người quản lý khác tại Công ty và các thành viên lân cận trong gia đình của các cá nhân này	Ảnh hưởng đáng kể

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, và người quản lý khác	Thu nhập từ thù lao, lương, thưởng, và các khoản thu nhập khác	416.619.000	408.893.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Chi tiết thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
		VND	VND
Ông Phạm Nguyên Anh	Chủ tịch HĐQT	8.000.000	-
Ông Vũ Hải Vĩnh	Nguyên Chủ tịch HĐQT	16.000.000	24.000.000
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Nguyên Thành viên	-	12.000.000
Ông Văn Viết Tuấn	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Ông Đào Trung Thanh	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Ông Giáp Minh Trung	Nguyên Thành viên	12.000.000	18.000.000
Ông Trần Đình Khôi	Thành viên	18.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Đức Tường	Thành viên	6.000.000	-
Tổng		96.000.000	96.000.000

Thù lao của Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
		VND	VND
Bà Lê Thị Lan	Trưởng ban	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Phước Hiệp	Thành viên	4.000.000	-
Bà Đặng Thị Hạnh	Thành viên	12.000.000	12.000.000
Ông Vũ Văn Tuấn	Nguyên thành viên	8.000.000	12.000.000
Tổng		42.000.000	42.000.000

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
		VND	VND
Ông Văn Viết Tuấn	Tổng Giám đốc	154.909.000	149.038.000
Ông Đào Trung Thanh	Phó Tổng Giám đốc	123.710.000	121.855.000
Tổng		278.619.000	270.893.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
<u>Mua hàng</u>			1.817.712.257	65.600.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	Công ty con	Hàng hóa, dịch vụ	1.817.712.257	65.600.000
<u>Bán hàng</u>			9.140.728.137	2.888.035.526
Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB	Công ty con	Hàng hóa, dịch vụ	51.911.600	27.613.203
Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội	Công ty con	Hàng hóa, dịch vụ	963.270.000	33.941.845
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	Công ty con	Hàng hóa, dịch vụ	8.125.546.537	2.826.480.478
<u>Giao dịch khác</u>			2.711.984.000	2.661.984.000
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	Công ty mẹ	Chia cổ tức	2.661.984.000	2.661.984.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	Công ty con	Hợp tác kinh doanh	50.000.000	-
<u>Thu nhập khác</u>			105.068.690	70.855.815
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	Công ty con	Phạt lãi nợ quá hạn	101.162.656	70.855.815
Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB	Công ty con	Phạt lãi nợ quá hạn	3.906.034	-

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2025	01/01/2025
		VND	VND
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>		18.720.347.210	16.910.904.019
Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB	Công ty con	148.423.890	241.632.630
Công ty Cổ phần Vitek - VTB Hà Nội	Công ty con	9.058.602.165	8.927.262.165
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	Công ty con	9.513.321.155	7.742.009.224
<u>Trả trước cho người bán ngắn hạn</u>		477.355.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	Công ty con	477.355.000	-
<u>Phải thu về cho vay</u>		-	-
<u>Phải thu khác ngắn hạn</u>		111.232.671	4.738.145
Công ty Cổ phần Thương mại JS VTB	Công ty con	8.644.179	4.738.145
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	Công ty con	102.588.492	-
<u>Phải trả người bán ngắn hạn</u>		1.214.718.615	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin VTB	Công ty con	1.214.718.615	-
<u>Phải trả khác</u>		4.661.984.000	5.989.464.000
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	Công ty mẹ	4.661.984.000	5.989.464.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.2 Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty đã thực hiện ký Hợp đồng nguyên tắc số 08/HĐNT-PTN-KCN ngày 13/10/2005 với Công ty Quản lý nhà & Phát triển Nhà Quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Công ty TNHH Dịch vụ Công ích Quận 2) về việc thuê và cho thuê đất tại Khu công nghiệp Cát Lái - Cụm II (Giai đoạn 2), Quận 2 - Tp. Hồ Chí Minh. Cho đến thời điểm 30/6/2025, Công ty đã thanh toán số tiền là 18.215.447.540 VND trên tổng giá thanh toán bằng ngoại tệ là 1.228.800 USD (theo Hợp đồng nguyên tắc), đồng thời theo dõi trên sổ dư khoản mục "Trả trước cho người bán dài hạn". Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, các bên chưa thực hiện ký hợp đồng thuê đất chính thức. Do vậy, số tiền thuê đất có thể thay đổi khi chính thức ký Hợp đồng.

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Ban Tổng Giám đốc quyết định trình bày lại một số thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ để đảm bảo số liệu năm nay phù hợp và có thể so sánh được với số liệu năm trước:

	Mã số	Số đã trình bày		Phân loại lại	Ghi chú
		kỳ trước VND	Số trình bày lại VND	VND	
Giá vốn hàng bán	25	11.816.191.084	18.413.358.329	6.597.167.245	(i)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	34.401.362.415	27.804.195.170	(6.597.167.245)	
Chi phí bán hàng	26	21.886.236.087	15.289.068.842	(6.597.167.245)	(i)

(i) Phân loại lại chi phí nhà xưởng phục vụ sản xuất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Hà Ngọc Yến



Trương Thị Thùy Linh



Đào Trung Thanh



Starting our operation from 2004 up to now, CPA VIETNAM is always proud to be one of the independent auditing companies with a reputable brand name trusted by many customers in the field of auditing and accounting in Vietnam. Our the goal is that through the professional provision of specialized services, we will help our customers to innovate their internal management system and promote their potentials to create outstanding values. That is the greatest success for our the sustainable and prosperous development. CPA VIETNAM will continue to maintain our brand name in the future.

www.cpavietnam.vn



Building a world class accounting alliance takes time - since 1989, INPACT has grown steadily and has carefully selected each and every member firm. All of our members pass through a rigorous selection process that ensures stringent criteria related to range of services, local reputation and approach to providing services can be met. We only admit firms which can prove they know their local jurisdiction like the back of their hand and which have experience of handling matters that have international dimensions. Our members embrace a service culture that emphasises personal service, rapid response times, reliability and innovative thinking.

www.inpactglobal.org